

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRONG TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

TS. Hoàng Công Gia Khánh*

Sau gần 2 tháng công bố, chủ trương tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đã được thực thi bằng việc thống nhất ba ngân hàng: Sài Gòn, Việt Nam Tín Nghĩa và Đệ Nhất. Với phản ứng tích cực của thị trường sau khi thông tin thống nhất được công bố, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để tiếp tục triển khai tiến trình tái cấu trúc. Mặc dù vậy, vẫn còn không ít những băn khoăn lo lắng, dè dặt không chỉ dừng lại ở chính các ngân hàng trong cuộc mà còn có cả các nhà đầu tư, người gửi tiền, bởi lẽ các thông tin chi tiết về kế hoạch tái cấu trúc dường như vẫn còn là một ẩn số.

1. Mục tiêu và các bước chuẩn bị tái cấu trúc

Ngay khi công bố chủ trương, NHNN đã nêu rõ bốn mục tiêu cơ bản của tái cấu trúc và sau đó trong phiên trả lời chất vấn tại diễn đàn Quốc hội, Thống đốc Nguyễn Văn Bình đã chi tiết phân nào các mục tiêu khi nêu ra quan điểm sẽ chia các ngân hàng làm ba nhóm lớn và biện pháp xử lý đối với từng nhóm nhằm có được hệ thống ngân hàng an toàn, lành mạnh và hiệu quả. Tuy nhiên, câu hỏi không kém phần quan trọng là Việt Nam sẽ sử dụng chỉ tiêu nào để đo lường mức độ an toàn, lành mạnh và hiệu quả của các ngân hàng? Liệu hệ thống chỉ tiêu hiện hành của Việt Nam có đủ để đảm bảo giám sát an toàn, đo lường chính xác mức độ lành mạnh và hiệu quả của các ngân hàng?

Theo chúng tôi, các chỉ tiêu hiện hành của Việt Nam còn thiếu khá nhiều và nhiều chỉ tiêu chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu theo thông lệ quốc tế. Nếu các chỉ tiêu đánh giá này không đạt chuẩn thì ngay cả khi hoàn tất việc tái cấu trúc, chưa chắc chúng ta có được hệ thống ngân hàng như mong muốn. Vì

* Trường Đại học Kinh tế - Luật

vậy, trên tinh thần này, việc tái cấu trúc cần được thực hiện theo tuần tự bốn nội dung:

Bước 1: Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu để giám sát an toàn, đánh giá mức độ lành mạnh, hiệu quả của ngân hàng phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam nhưng phải đảm bảo tương thích và bám sát với quy định của Hiệp ước Basel, đồng thời xác định lộ trình đáp ứng tiêu chuẩn Basel III.

Bước 2: Sử dụng hệ thống chỉ tiêu đã có ở bước 1 để phân nhóm chính xác các ngân hàng.

Bước 3: Đề ra lộ trình áp dụng riêng cho từng nhóm ngân hàng để các ngân hàng trong mỗi nhóm có thời gian hợp lý tự thực hiện tái tổ chức hoạt động của mình.

Bước 4: Xây dựng kịch bản để cơ quan quản lý có thể buộc các ngân hàng chưa đạt chuẩn, không thể tự tái tổ chức phải thực hiện tái cấu trúc theo yêu cầu, nội dung của cơ quan quản lý thông qua các rào cản kỹ thuật và các biện pháp khác kể cả biện pháp hành chính nếu cần thiết.

2. Chỉ tiêu đo lường mức độ lành mạnh, hiệu quả

Ở thời điểm hiện tại, hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn chưa thể đáp ứng toàn diện tiêu chuẩn của Basel II nên trong vài năm tới chúng ta vẫn chưa thể sử dụng các tiêu chuẩn khắt khe của Basel III. Tuy nhiên, dưới áp lực hội nhập, chúng ta không thể không sử dụng các chuẩn mực của Basel III để đo lường, đánh giá hệ thống ngân hàng Việt Nam. Vì lẽ đó, việc xây dựng chuẩn mực theo hướng bám sát, tương thích với Basel III kèm theo lộ trình cụ thể để triển khai đạt chuẩn Basel III là điều chắc chắn phải thực hiện chứ không thể tự đặt ra những tiêu chuẩn riêng không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Số lượng ngân hàng: Số liệu thống kê cho thấy bình quân một ngân hàng Việt Nam phục vụ cho hơn 1,6 triệu dân và bình quân cứ 2,01 tỷ USD GDP thì có một ngân hàng. Con số này ở Hoa Kỳ tương ứng là 48 ngàn dân và

2,05 tỷ USD GDP; Malaysia tương ứng là 785 ngàn dân và 6,71 tỷ USD GDP. Như vậy, số ngân hàng ở Việt Nam chưa hẳn đã quá nhiều như nhiều người lo ngại. Do vậy, việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng không nên nhắm đến mục tiêu giảm số lượng ngân hàng mà quan trọng cần hướng đến là chất lượng của từng ngân hàng.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu so sánh ngân hàng Việt Nam và Ngân hàng Hoa kỳ (tính đến 30/6/2011)

TT	Chỉ tiêu	Việt Nam	Hoa kỳ			
			<i>Chia nhóm theo quy mô tổng tài sản</i>			
			Dưới 2.100 tỷ VND	Từ 2.100 tỷ đến 21.000 tỷ VND	Trên 21.000 tỷ VND	Tất cả
1	Tổng tài sản trung bình (tỷ VND)	7.649*	1.205	6.035	454.648	40.496
2	Vốn chủ sở hữu trung bình (tỷ VND)	1.648*	139	629	52.210	4.615
4	Vốn cổ phần phổ thông trung bình (tỷ VND)	1.500* (3000)	19	109	1.291	149
5	Số lượng ngân hàng (số trong ngoặc: tỷ lệ so với tổng số)	52** 48***	2.264 (35%)	3632 (56,6%)	517 (8,4%)	6.413 (100%)
6	GDP/ngân hàng (triệu USD)	2.011	-	-	-	2.059
7	Dân số/ngân hàng (người)	1.671.687	-	-	-	48.355

Nguồn: Tổng hợp từ website của SBV, FED, FDIC, BEA

Ghi chú: Tỷ giá quy đổi USD/VND 21.000. Số liệu trên không tính đến các trung gian tài chính phi ngân hàng.

* Số liệu của ngân hàng cổ phần nhỏ nhất dựa theo chỉ tiêu tương ứng tại thời điểm 31/12/2010 (không tính ngân hàng nước ngoài, liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Số trong ngoặc là vốn pháp định.

** Không tính chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không có tư cách pháp nhân, hoạt động giới hạn)

*** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản: Trong những năm 2005 - 2007, khi chuyển đổi từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị với quy mô vốn tăng đột biến, các ngân hàng đô thị mới chịu áp lực lớn trong việc gia tăng lợi nhuận trong lúc chưa thể đa dạng hóa phương thức sử dụng vốn an toàn và hiệu quả, công nghệ còn lạc hậu, mạng lưới chưa phát triển và quan hệ ngân hàng đại lý

còn hạn chế đã khiến các ngân hàng này chưa thể phát triển ngay hoạt động dịch vụ thanh toán nên đành dựa chủ yếu vào hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư mạo hiểm. Đẩy mạnh quá mức dư nợ tín dụng và hoạt động đầu tư, các ngân hàng này mạo hiểm sử dụng nguồn vốn huy động trên thị trường 2 thay vì phải dựa chủ yếu vào tiền gửi huy động trên thị trường 1. Đáng tiếc là vào thời điểm đó, các chỉ tiêu an toàn hoạt động dù đã được ban hành nhưng chưa được các ngân hàng tuân thủ nghiêm túc. Hậu quả là sau khi Chỉ thị số 03/2007/CT-NHNN ngày 28/5/2007 của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực, chính sách thắt chặt tiền tệ có tác dụng thì cuộc đua lãi suất dậy sóng vào cuối năm 2007 đầu năm 2008 mà đỉnh điểm là vào ngày 15/2/2008 với lãi suất trúng thầu trên thị trường mở lên đến 30,1%/năm, lãi suất cho vay qua đêm 35% - 39%/năm. Trong suốt hơn 3 năm qua, chúng ta chưa có được giải pháp căn cơ để xử lý tình trạng này trong khi vẫn tiếp tục yêu cầu các ngân hàng tăng vốn điều lệ với tốc độ cao. Dường như chúng ta đã chú trọng quá mức quy mô vốn điều lệ mà chưa xem trọng đúng mức các chỉ tiêu an toàn - vốn dĩ có tầm quan trọng hơn nhiều so với vốn điều lệ hoặc thậm chí vốn chủ sở hữu.

Cụm từ “ngân hàng nhỏ” được nhắc đến ngày càng thường xuyên hơn với ngầm định đó là các ngân hàng có nguồn gốc từ ngân hàng nông thôn trước đây hoặc là các ngân hàng có vốn điều lệ cỡ 3.000 tỷ đồng. Dường như chúng ta vô tình đồng nghĩa ngân hàng nhỏ cũng chính là ngân hàng thiếu lành mạnh, kém an toàn. *Tuy nhiên, theo thông lệ quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng, tổng tài sản mới là chỉ tiêu dùng để phân loại quy mô ngân hàng chứ không phải vốn điều lệ hay vốn chủ sở hữu.* Thế nhưng, ngay cả khi dựa trên quy mô tổng tài sản thì ngân hàng có tổng tài sản nhỏ nhất Việt Nam cũng không hề thua kém ngân hàng trung bình của Hoa Kỳ. Số liệu *bảng 1* cho thấy, Hoa Kỳ có đến 35% ngân hàng có tổng tài sản dưới 100 triệu USD (dưới 2.100 tỷ đồng), chỉ bằng 25% tổng tài sản của ngân hàng có tổng tài sản nhỏ nhất Việt Nam. Ngay cả

nhóm ngân hàng có tổng tài sản từ 100 triệu USD đến 1 tỷ USD (từ 2.100 tỷ đồng đến 21.000 tỷ đồng) - chiếm 56,6% tổng số ngân hàng của Hoa Kỳ - cũng chỉ có tổng tài sản trung bình là 6.035 tỷ đồng. Nói cách khác, trên cả ba tiêu chí vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, tổng tài sản thì các ngân hàng Việt Nam không hề nhỏ so với mặt bằng chung của các ngân hàng Hoa Kỳ.

Nói cách khác, việc phân nhóm ngân hàng nhỏ, ngân hàng lớn như vừa qua là chưa có cơ sở khoa học lẫn pháp lý thuyết phục. Thiết nghĩ, khi chưa có được hệ thống tiêu chuẩn để phân nhóm hợp lý thì trước mắt, chúng ta nên chủ động chấm dứt cách gọi ngân hàng nhỏ, ngân hàng lớn để tránh những tác động tâm lý, ảnh hưởng bất lợi và hệ lụy đáng tiếc có thể xảy ra. Song song đó, cũng cần xem lại việc thành lập nhóm G12 bởi lẽ hiện đã có Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam với đầy đủ đại diện của các ngân hàng nên hoàn toàn có thể tin cậy để NHNN tham khảo ý kiến. Trên thực tế, lấy gì để đảm bảo rằng các ý kiến đóng góp của nhóm G12 sẽ không vì lợi ích nhóm? Dù 40 ngân hàng còn lại chỉ chiếm 15% thị phần nhưng sự an toàn và hiệu quả hoạt động của nhóm này chắc chắn vẫn gây ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hệ thống ngân hàng, nên họ hoàn toàn xứng đáng và cần thiết được bình đẳng thật sự, được NHNN tham khảo ý kiến như nhóm G12.

Theo chúng tôi, Việt Nam vẫn cần thiết phải duy trì các ngân hàng có quy mô tài sản nhỏ để hoạt động dưới dạng ngân hàng địa phương, khai thác các phân khúc thị trường mà những ngân hàng có quy mô tài sản lớn ít quan tâm hoặc không muốn chiếm lĩnh. Tất nhiên, phải đặt ra các hạn chế về phát triển mạng lưới, phát triển nghiệp vụ hoạt động và quản trị của các ngân hàng địa phương này. Đây cũng là mô hình khá phổ biến ngay cả với các nước phát triển.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) và các tỷ lệ an toàn khác: Hệ số CAR theo quy định hiện hành của Việt Nam giới hạn tối thiểu ở mức 9% trong lúc

theo tiêu chuẩn Basel III mức tối thiểu chỉ 8%. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng theo quy định Basel III, dù đạt mức 8% nhưng nếu vẫn dưới 10,5% (sau khi cộng thêm tỷ lệ đệm chuyển đổi 2,5%) thì các ngân hàng này vẫn còn phải đặt dưới sự kiểm soát với các hạn chế. Mặt khác, Basel III còn quy định tỷ lệ giới hạn đối với vốn cấp 1 và vốn cổ phần phổ thông - điều mà quy định của Việt Nam hiện chưa đề cập đến. Hơn nữa, điều quan trọng là các chuẩn mực đo lường vốn và phân loại tài sản của Basel III khắt khe hơn nhiều so với quy định hiện hành của Việt Nam. Vì vậy, thay vì quy định tỷ lệ tối thiểu cao hơn quy định Basel trong lúc chuẩn mực đo lường vốn và phân loại tài sản thấp hơn quy định của Basel, Việt Nam nên cải cách theo hướng chấp nhận các tỷ lệ tối thiểu thấp hơn quy định của Basel nhưng phải sử dụng các chuẩn mực theo quy định của Basel để đo lường vốn và phân loại tài sản. Đồng thời, phải đặt ra lộ trình cụ thể tăng dần mức tối thiểu nhằm hướng đến việc đạt chuẩn tỷ lệ tối thiểu của Basel III trong 10-15 năm tới. Ngoài ra, cũng cần phải chú ý đến các tỷ lệ an toàn khác theo quy định của Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, tỷ lệ đảm bảo thanh khoản và tỷ lệ quỹ ổn định ròng.

Tái cấu trúc bằng cách sáp nhập cơ học các ngân hàng với nhau chỉ giúp tăng vốn điều lệ và quy mô tài sản mà không thể cải thiện sự an toàn vì CAR và các chỉ tiêu an toàn khác không thể tăng lên nếu không có sự cải tổ toàn diện ngân hàng sau khi sáp nhập.

Hệ thống giám sát và kỷ luật thị trường: Các yêu cầu về hệ thống giám sát và đặc biệt là yêu cầu về kỷ luật thị trường cũng phải được xây dựng xong trước khi đi sâu vào tiến trình tái cấu trúc nhằm buộc các ngân hàng phải cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến vốn, rủi ro nhằm đảm bảo các nguyên tắc của thị trường theo quy định của Basel.

3. Một số kết luận

Về tổng thể, dù quy mô tài sản của các ngân hàng Việt Nam không hề nhỏ theo mặt bằng chung (không thể lấy ngân hàng Việt Nam đem so với Citibank, Bank of America hay HSBC), số lượng ngân hàng Việt Nam không phải quá nhiều như dư luận lo ngại nếu xét trên hai tiêu chí quan trọng là dân số/ngân hàng và GDP/ngân hàng nhưng không vì thế mà cho rằng tất cả các ngân hàng Việt Nam đều mạnh. Rõ ràng, việc tái cấu trúc toàn diện hệ thống ngân hàng Việt Nam là điều hết sức cần thiết nhưng hành động phải được thực hiện hết sức thận trọng với hệ thống tiêu chí đánh giá, phân nhóm khoa học là công việc đầu tiên cần thực hiện trước khi bắt tay vào các kỹ thuật tái cấu trúc.

Thay vì tập trung vào việc tăng vốn điều lệ và tăng quy mô tài sản như thời gian qua, tái cấu trúc cần tập trung vào mục tiêu tối thượng là sự an toàn và hiệu quả của từng ngân hàng riêng lẻ, từ đó mới có thể có được hệ thống ngân hàng lành mạnh. Các tiêu chuẩn để đo lường mức độ an toàn, lành mạnh và hiệu quả của ngân hàng phải được xây dựng theo hướng tuân thủ chuẩn mực quốc tế - Basel II và Basel III - chứ không phải chỉ là tiêu chuẩn của riêng Việt Nam.